

NHỮNG LOÀI VÀ PHÂN LOÀI BỘ CẶP KÌM (COLEOPTERA, LUCANIDAE) ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HIỆN Ở VIỆT NAM

ĐẶNG THỊ ĐÁP, TRẦN THIẾU DƯ

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Bộ Cánh cứng (Coleoptera) là một trong những nhóm côn trùng có số lượng loài lớn nhất, bao gồm trên dưới 200 họ, trong đó có họ Bộ cặp kìm (Lucanidae) hay còn gọi là họ Bộ Sừng hươu. Ở Việt Nam, cho tới nay họ này vẫn chưa có chuyên gia đi sâu nghiên cứu, nhưng trong thực tế những loài đầu tiên đã được phát hiện ở Việt Nam từ những năm đầu của thế kỷ 20. Trên cơ sở các tài liệu đã được công bố của các tác giả người nước ngoài và vật mẫu hiện có, chúng tôi bước đầu giới thiệu những loài bộ cặp kìm đã được phát hiện ở Việt Nam từ trước đến nay. Mặc dù trong bài báo này chưa đưa được đầy đủ những loài đã được tìm thấy ở Việt Nam do chưa có đủ tài liệu cũng như chưa có điều kiện phân tích các mẫu vật, nhưng do yêu cầu cấp bách bởi sự săn lùng ráo riết các loài thuộc họ Lucanidae để buôn bán lâu nay, chúng tôi xin giới thiệu một số thông tin về chúng.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thu thập thông tin và tài liệu đã công bố

Ở Việt Nam, theo Vitalis de Salvaza, 1919 đã có 59 loài thuộc họ Lucanidae được phát hiện, 85 loài và dạng loài khác nhau đã đề cập tới [2]. Còn theo Tetsuo Mizunuma và Shinji Nagai, ở Việt Nam đã tìm thấy 79 loài và phân loài của họ này [4].

2. Thu thập mẫu vật

Thu thập, sưu tầm tất cả các mẫu thuộc họ Lucanidae từ khắp các vùng của đất nước bằng mọi cách khác nhau (thu thập từ thực địa, thu bắt từ những nguồn buôn bán mẫu).

3. Phân tích mẫu vật

So sánh, phân loại trên cơ sở tranh, hình ảnh, sự mô tả các loài, phân loài đã được in ấn công bố từ trước tới nay [3, 4].

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Trên cơ sở các tài liệu trên và các vật mẫu có trong Phòng Bảo tàng động vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, chúng tôi sơ bộ giới thiệu thành phần loài và phân loài của họ Bộ cặp kìm (Coleoptera, Lucanidae) đã được biết đến ở Việt Nam (xem bảng).

1. Thành phần loài của họ Bộ cặp kìm (Lucanidae) ở Việt Nam

Theo thống kê sơ bộ, ở Việt Nam đã ghi nhận được 134 loài và phân loài Bộ cặp kìm thuộc 21 giống. Trong đó có 128 loài và phân loài thu được ở Bắc bộ, 8 loài ở Trung bộ và 11 loài ở Nam bộ. Đa số các loài đều phân bố ở các vùng núi cao, có khí hậu lạnh và mát mẻ như ở Tam Đảo và Sapa ghi nhận được 53 loài; ở Đà Lạt - 1 loài. Điều đó cho thấy các loài bộ cặp kìm thường phân bố ở miền Bắc, trên các vùng núi cao có khí hậu lạnh và ôn hoà. Trong số 134 loài được ghi nhận theo tài liệu và từ bộ sưu tập ở Bảo tàng Động vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, các tác giả đã định tên được 31 loài, bao gồm cả 2 loài mới ghi nhận lần đầu cho khu hệ côn trùng của Việt Nam: *Dorcus arrowi* Boileau, 1911 và *Lucanus kraatzi* Nagel, 1926.

Tuy số lượng loài và phân loài của họ này không lớn so với một số họ cánh cứng khác như Scarabaeidae, Chrysomelidae, Curculionidae,... nhưng các mẫu vật của Lucanidae có giá trị rất lớn trong lĩnh vực thương mại.

Công trình được sự hỗ trợ kinh phí của chương trình nghiên cứu cơ bản

Thành phần loài bộ cạp kìm (Coleoptera, Lucanidae) đã được ghi nhận ở Việt Nam

STT	Tên khoa học	Địa điểm thu bắt	
		Theo tài liệu	Có mẫu vật
(1)	(2)	(3)	(4)
1	<i>Aegus atricolor</i> Didier, 1928	Bắc bộ	
2	<i>A. beauchenei</i> Boileau, 1902	Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
3	<i>A. bidens</i> Mollenkamp, 1902	Tam Đảo (Bắc bộ)	
4	<i>A. caprinus</i> Didier, 1928	Cả nước	
5	<i>A. chelififer chelififer</i> MacLeay, 1819	Cúc Phương (Bắc bộ)	
6	<i>A. coomani</i> Didier, 1926	Hòa Bình (Bắc bộ)	
7	<i>A. corniculatus</i> Didier, 1928	Bắc bộ	
8	<i>A. curvus</i> Didier, 1928	Bắc bộ	
9	<i>A. fukiensis</i> Bomans, 1989	Sapa (Bắc bộ)	
10	<i>A. milkintae</i> Bomans, 1992	Bắc bộ	
11	<i>A. platyodon</i> Parry, 1862	Bắc bộ	
12	<i>A. ritsemae</i> Boileau, 1899	Bắc bộ	
13	<i>A. rostratus</i> Didier, 1928	Bắc bộ	
14	<i>A. specularis</i> Jakowlew, 1900	Bắc bộ, Nam bộ	
15	<i>A. taurus</i> Boileau, 1899	Bắc bộ	
16	<i>A. wernerii</i> Nagai, 1994	Sapa (Bắc bộ)	
17	<i>Aulacostethus doani</i> Masaru Baba, 2000	Bắc bộ	
18	<i>Capreolucanus sicardi</i> Didier, 1928	Bắc bộ	
19	<i>Cladognathus confucius</i> Hope, 1842	Bắc bộ, Nam bộ	
20	<i>C. giraffa</i> Olivier, 1789	Bắc bộ	
21	<i>Cyclommatus mniszewski</i> Thomson, 1856	Bắc bộ	
22	<i>C. vitalisi</i> Pouillaude, 1913	Bắc bộ	
23	<i>Dorcus affinis</i> (Pouillaude)	Bắc bộ	
24	* <i>D. antaeus</i> Hope, 1842	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo, Lai Châu (Bắc bộ)
25	<i>D. arrowi</i> Boileau, 1911		Tam Đảo (Bắc bộ)
26	<i>D. bisignatus elsileidis</i> (Séguy, 1954)	Tam Đảo (Bắc bộ)	
27	<i>D. cervulus</i> Boileau, 1901	Bắc bộ, Trung bộ	
28	<i>D. curvidens</i> (Hope, 1840)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo, Sapa (Bắc bộ)
29	<i>D. gracilicornis</i> Benesh, 1950	Bắc Bộ	Tam Đảo (Bắc bộ)
30	<i>D. mellianus</i> (Kriesche, 1920)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
31	<i>D. negrei</i> (Lacroix, 1978)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
32	<i>D. platymelus</i> (Saunders, 1854)	Bắc bộ, Trung bộ	
33	<i>D. pseudaxis</i> (Didier, 1926)	Bắc bộ	
34	<i>D. reichei reichei</i> Hope, 1842	Bắc bộ	Tam Đảo (Bắc bộ)
35	<i>D. seguyi</i> (DeLisle, 1955)	Tam Đảo (Bắc bộ)	

(1)	(2)	(3)	(4)
36	<i>D. titanus westermanni</i> Hope, 1842	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo, Hà Giang (Bắc bộ)
37	<i>D. tityus affinis</i> Pouillaude, 1913	Bắc bộ	Tam Đảo (Bắc bộ)
38	<i>D. velutinus</i> Thomson, 1862	Tam Đảo (Bắc bộ)	
39	<i>D. vernicatus itoi</i> Bomans, 1993	Tam Đảo (Bắc bộ)	
40	<i>D. vicinus</i> Saunders, 1854	Bắc bộ	
41	<i>Eligmodontus kanghianus</i> Didier et Séguy	Bắc bộ	
42	<i>Figulus acutangulatus</i> Arrow, 1935	Bắc bộ	
43	<i>F. arrawi</i> Nagel, 1941	Bắc bộ	
44	<i>F. binodulus</i> Waterhouse, 1873	Bắc bộ	
45	<i>F. caviceps</i> Boileau, 1902	Bắc bộ	
46	<i>F. cochinchinensis</i> Nagel, 1938	Nam bộ	
47	<i>F. coomani</i> Arrow, 1935	Bắc bộ	
48	<i>F. napu</i> Kriesche, 1922	Nam bộ	
49	<i>Gnaphaloryx opacus</i> Burmeister, 1847	Bắc bộ	
50	<i>G. velutinus</i> Thomson, 1862	Bắc bộ	
51	<i>Hemisodorcus bisignatus</i> Parry, 1862	Bắc bộ	
52	<i>H. peceipennis</i> Westwood, 1855	Bắc bộ	
53	<i>H. pseudaxis</i> Didier, 1926	Bắc bộ	
54	<i>H. rufonotatus</i> Pouillaude	Bắc bộ	
55	<i>Hexarthrius. vitalisi</i> Didier, 1925	Tam Đảo (Bắc bộ)	
56	<i>Lucanus angusticornis</i> Didier, 1925	Tam Đảo (Bắc bộ)	
57	<i>L. cyclomatoides</i> Didier, 1928	Bắc bộ	
58	<i>L. janvoinei</i> Didier	Bắc bộ	
59	* <i>L. kraatzi</i> Nagel, 1926		Tam Đảo, Sapa (Bắc bộ)
60	<i>L. lamifer vitalisi</i> Pouillaude, 1913	Lao Cai, Sapa (Bắc bộ)	
61	<i>L. nobilis</i> Didier, 1925	Sapa (Bắc bộ)	
62	<i>L. planeti</i> Planet, 1899	Tam Đảo (Bắc bộ)	
63	<i>L. pulchellus</i> Didier, 1925	Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
64	<i>L. sericeus</i> Didier, 1925	Bắc bộ	
65	<i>L. speciosus</i> Didier, 1925	Bắc bộ	Tam Đảo (Bắc bộ)
66	<i>L. tibetanus katsurai</i> Mizunuma, 1994	Sapa (Bắc bộ)	
67	<i>Metopodontus biplagiatus nigripes</i> Boileau, 1905	Bắc bộ, Nam bộ	
68	<i>M. foveatus</i> Hope, 1842	Nam bộ	
69	<i>M. fulgens</i> Didier, 1927	Bắc bộ	
70	<i>M. jacowleffi</i> Boileau, 1901	Cả nước	

(1)	(2)	(3)	(4)
71	<i>M. kmanni</i> Kolbe	Trung bộ	
72	<i>M. laterinus</i> Didier, 1929	Bắc bộ	
73	<i>M. spineus</i> Didier, 1927	Bắc bộ	
74	<i>M. suturalis</i> Olivier, 1789	Bắc bộ	
75	<i>Neolucanus atratus</i> Didier, 1926	Bắc bộ	
76	<i>N. bisignatus</i> Houlbert, 1914	Bắc bộ	
77	<i>N. brebis birmaensis</i> Mollenkamp, 1900	Bắc bộ	
78	<i>N. championi</i> Parry, 1864	Bắc bộ	
79	<i>N. delicatus</i> Didier, 1927	Tam Đảo (Bắc bộ)	
80	<i>N. fuscus</i> Didier, 1926	Tuyên Quang (Bắc bộ)	
81	<i>N. giganteus</i> Pouillaude, 1914	Tam Đảo (Bắc bộ)	
82	<i>N. lemei</i> Houlbert	Bắc bộ	
83	<i>N. leuthneri</i> Boileau	Bắc bộ	
84	<i>N. maximus maximus</i> Houlbert, 1912	Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
85	<i>N. nitidus atratus</i> Didier, 1926	Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
86	<i>N. nitidus robustus</i> Boileau, 1914	Tam Đảo (Bắc bộ)	
87	<i>N. opacus intermedius</i> Houlbert, 1914	Bắc bộ	
88	<i>N. palmatus</i> Didier et Séguy	Bắc bộ	
89	<i>N. parryi</i> Leuthner, 1885	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
90	<i>N. perarmatus</i> Didier, 1925	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
91	<i>N. robustus</i> Boileau, 1914	Bắc bộ	
92	<i>N. rufus</i> Nagel, 1941	Bắc bộ	
93	<i>N. sarrauti</i> Houlbert, 1912	Tam Đảo (Bắc bộ)	Sapa (Bắc bộ)
94	<i>N. sinicus oberthueri</i> Leuthner, 1885	Bắc bộ	
95	<i>N. sinicus opacus</i> Boileau, 1899	Tam Đảo, Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo, Sapa (Bắc bộ)
96	<i>N. vicinus</i> Pouillaude, 1913	Sapa (Bắc bộ)	
97	<i>Nigiclionus parryi</i> (Bates, 1866)	Tam Đảo (Bắc bộ)	
98	<i>Nigidius gigas</i> Mollenkamp	Bắc bộ	
99	<i>N. oxyotus</i> Fairmaire, 1888	Bắc bộ	
100	<i>N. vagatus</i> Fairmaire, 1888	Bắc bộ	
101	<i>Odontolabis cuvera fallaciosa</i> Boileau, 1901	Tam Đảo, Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
102	<i>O. leuthneri</i> Boileau, 1897	Bắc bộ	
103	<i>O. platynota coomani</i> Didier, 1927	Tam Đảo	Tam Đảo (Bắc bộ)

(1)	(2)	(3)	(4)
104	<i>O. salvazai</i> Pouillaude	Bắc bộ	
105	<i>O. siva siva</i> (West. et Hope, 1845)	Tam Đảo (Bắc bộ), Trung bộ	
106	<i>Prosopocoilus approximatus</i> Parry, 1864	Nam bộ	
107	<i>P. aquilus</i> Didier, 1927	Bắc bộ	
108	<i>P. astacoides castaneus</i> (Hope et Westwood, 1845)	Sapa (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
109	<i>P. biplagiatus</i> (Westwood, 1855)	Bắc bộ	
110	<i>P. buddha approximatus</i> (Parry, 1864)	Tam Đảo (Bắc bộ)	
111	<i>P. capricornus</i> Didier, Etudes, 1931	Bắc bộ	
112	<i>P. chujoi</i> DeLisle, 1964?	Lạng Sơn (Bắc bộ)	
113	<i>P. cilipes</i> Thomson, 1862	Bắc bộ	
114	<i>P. confucius</i> (Hope, 1842)	Tam Đảo (Bắc bộ)	
115	<i>P. cornuatus</i> Didier, 1927	Bắc Bộ, Nam bộ	
116	<i>P. crenulidens</i> (Fairmaire, 1895)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
117	<i>P. denticulatus</i> Boileau, 1901	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
118	<i>P. doris</i> Kriesche, 1920	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
119	<i>P. forficula nakamurai</i> Mizunuma, 1994	Tam Đảo (Bắc bộ)	
120	<i>P. fulgens</i> (Didier, 1927)	Bắc bộ	
121	<i>P. gracilis</i> (Saunders, 1854)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
122	<i>P. guerlachi</i> Didier et Séguy	Nam bộ	
123	<i>P. laterinus</i> (Didier, 1928)	Bắc bộ	
124	<i>P. lesnei</i> Didier, 1865	Bắc bộ	
125	<i>P. mandibularis</i> Mollenkamp, 1902	Bắc bộ	
126	<i>P. ovatus</i> Boileau, 1901	Bắc Bộ, Trung bộ	
127	<i>P. oweni ovatus</i> Boileau, 1901	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
128	<i>P. semifuscus</i> Didier, 1929	Bắc bộ	
129	<i>P. spencei mandibularis</i> Mollenkamp, 1922	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
130	<i>P. spineus</i> (Didier, 1927)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
131	<i>P. suturalis</i> (Olivier, 1789)	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
132	<i>Pseudorhaetus oberthuri</i> Planet, 1899	Bắc bộ	
133	<i>Rhaetulus speciosus boileau</i> Didier, 1925	Tam Đảo (Bắc bộ)	Tam Đảo (Bắc bộ)
134	<i>Weinreichius perroti</i> Lacroix, 1978	Đà Lạt (Trung bộ)	

Ghi chú: * loài mới ghi nhận lần đầu cho khu hệ côn trùng của Việt Nam.

2. Giá trị của họ Bộ cạp kìm (Coleoptera, Lucanidae)

Cho đến nay, ở Việt Nam, họ Lucanidae chưa được quan tâm nghiên cứu vì nhiều lý do:

- Bộ cạp kìm không gây hại đáng kể cho thực vật nói chung, cây rừng cũng như cây trồng nói riêng.

- Cán bộ nghiên cứu phân loại côn trùng còn rất ít so với yêu cầu cấp bách về phân loại học của quốc gia, nên chưa có chuyên gia nào đi sâu nghiên cứu nhóm côn trùng này.

Khoảng 10 năm gần đây, vào thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, do công việc điều tra cơ bản tài nguyên sinh vật của nhiều nước tiên tiến gần như đã hoàn thiện, các nhà khoa học, các nhà sưu tầm, các khách du lịch đã đến các nước kém phát triển để khai hóa văn minh đồng thời khai thác tài nguyên theo nhiều mục đích cũng được diễn ra ở Việt Nam. Do đó từ những năm 1990 đến nay, đặc biệt trên các vùng núi cao như Sapa, Tam Đảo, Đà Lạt, ... rất nhiều người dân đã đi bắt côn trùng để bán cho khách nước ngoài, đa số là người châu Âu và Nhật Bản. Một lượng lớn bộ cạp kìm cùng nhiều loài côn trùng khác đã được đưa ra khỏi biên giới. Bộ cạp kìm trở nên có giá trị, nhất là những con đực có kích thước lớn với độ dài trên 80 mm đã từng được bán với giá trên dưới 2 triệu đồng Việt Nam / 1 con. Chính vì nguồn lợi lớn này mà nhiều người dân đã bất chấp luật pháp, bất chấp nguy hiểm trong rừng sâu để đi tìm bắt loài côn trùng này.

Riêng bộ cạp kìm thì loài nào họ cũng thu bắt vì khách hàng có thể mua hàng nghìn con một lúc, cho nên tại các vùng núi cao, nơi các đại diện của nhóm này phân bố, số lượng cá thể cũng như số lượng loài bị suy giảm nghiêm trọng do tốc độ săn lùng không ngừng gia tăng. Các nơi sinh sống của chúng ngày một bị thu hẹp phần do tốc độ phá rừng để mưu sinh của người dân vẫn tiếp diễn, phần vì bị phá để thu bắt côn trùng làm hàng hóa.

Những lý do trên đã dẫn tới nhiều loài côn trùng cánh cứng thuộc họ Lucanidae đã trở nên

quý hiếm, một số loài có thể đã mất hẳn và một số loài đang đứng trên nguy cơ tuyệt chủng. Kể cả cho đến nay, những vùng phân bố của chúng đã thuộc các khu bảo tồn thiên nhiên, các rừng cấm quốc gia, có quy chế bảo vệ rõ ràng nhưng do sự quản lý lỏng lẻo và còn nhiều sơ hở nên hiện tượng rò rỉ tài nguyên sinh vật, trong đó có côn trùng, vẫn còn chưa chấm dứt.

III. KẾT LUẬN

1. Đã lập được danh sách loài và phân loài thuộc họ Bộ cạp kìm hay còn gọi là Bộ sừng hươu (Coleoptera, Lucanidae) ở Việt Nam, gồm 134 loài thuộc 21 giống, trong đó có 2 loài mới được ghi nhận lần đầu cho khu hệ côn trùng của Việt Nam là *Dorcus arrowi* Boileau, 1911 và *Lucanus kraatzi* Nagen, 1926.

2. Nhiều loài bộ cạp kìm đã và đang bị thu bắt tại các vùng rừng núi cao như Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Sapa (Lao Cai), Đà Lạt (Lâm Đồng), ... để bán ra nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Didier D. R., Séguy E.**, 1952: Catalogue Illustré des Lucanides du Globe Atlas. Encyclopédie entomologique. Paul Lechevalier éditeur, Paris.
2. **Didier D. R., Séguy E.**, 1953: Catalogue Illustré des Lucanides du Globe Texte. Encyclopédie entomologique. Paul Lechevalier éditeur, Paris.
3. **Masaru Baba**, 2000: A new species of the genus *Aulacostethus* Waterhouse, 1809 from N. Vietnam, Gekkan-Mushi, 355: 2-3.
4. **Tetsuo Mizunuma, Shinji Nagai**, 1999: The Lucanid Beetles of the World. Third Impression. Mushi - Sha, Tokyo.
5. **Vitalis R. De Salvaza**, 1919: Essai d'un Traité d'Entomologie Indochinoise. Imprimerie Minsang dit T.B.Cay. Hanoi.

LUCANID BEETLE SPECIES AND SUBSPECIES (COLEOPTERA, LUCANIDAE) RECORDED IN VIETNAM

DANG THI DAP, TRAN THIEU DU

SUMMARY

A total of 134 species and subspecies of 21 genera belonging to the lucanid family (Coleoptera, Lucanidae) in Vietnam were listed. Among them, 2 species were firstly recorded for the entomofauna of Vietnam from specimens of IEBR Zoological Museum: *Dorcus arrowi* Boileau, 1911 and *Lucanus kraatzi* Nagel, 1926.

Most of stage beetles were collected in high forest mountains such as Tamdao (Vinhphuc province), Sapa (Laocai province), Dalat (Lamdong province).

Many lucanid beetles species have been hunt down for the commerce with foreign countries.

Ngày nhận bài: 12-8-2002